

Số: 922/2021/QĐST-HNGĐ

G, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 728/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lưu Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A đường Dương Quảng H (số mới 10 đường Trần Bá G), Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Chu Thị C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A đường Dương Quảng H (số mới 10 đường Trần Bá G), Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I/2009 ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 13/5/2021 (Tòa án nhận đơn ngày 19/10/2021); Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/12/2021; ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 01 con chung tên Lưu Văn H, sinh ngày 16/7/2009; bà Chu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Lưu Văn T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I/2009 ngày 23/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa K, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Có 01 con chung tên Lưu Văn H, sinh ngày 16/7/2009. Bà Chu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Lưu Văn T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lưu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C, mỗi người chịu 150.000 đồng, được miễn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0047021 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lưu Văn T và bà Chu Thị C đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND quận G;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng Cúc**